

Số: 64/TB-BVM

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc generic sử dụng đến 31/3/2025. Kính mời các Công ty quan tâm, có khả năng đáp ứng gửi hồ sơ chào giá theo các thông tin sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng

Địa chỉ: 68 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Trần Văn Đức – Phụ trách khoa Dược

SĐT: 093.531.8235

Email: khoaduocbvm2024@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Báo giá được niêm phong trong bì, nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện theo địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng

68 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 17 h00 ngày 06 tháng 8 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 19 tháng 8 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời gian nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19/08/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thuốc:

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	G1N5.4	Fentanyl	G1N5	0,1mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	50
2	G1N4.10	Levobupivacain	G1N4	50mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	1.500

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
3	G1N4.11	Lidocain hydroclodrid	G1N4	2%	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	2.500
4	G1N4.3	Atropin sulfat	G1N4	10mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Tép/ ống	300
5	G1N1.22	Timolol	G1N1	0,5%	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Tube/ chai/ lọ/ ống	100
6	G1N4.21	Ringer lactat	G1N4	500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	3.800
7	G1N4.12	Mannitol	G1N4	20%	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	90
8	G1N4.16	Natri clorid	G1N4	0,9%/250 ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	180
9	G1N2.5	Enalapril	G1N2	5mg	Uống	viên	viên	500
10	G1N2.3	Amlodipine	G1N2	5mg	Uống	viên	viên	900
11	G1N4.19	Ondansetron	G1N4	8mg/4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	60
12	G1N4.22	Tobramycin	G1N4	80mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	600
13	G1N4.20	Paracetamol (acetaminophen)	G1N4	250mg	Uống	Bột/cốm/ hạt pha uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	200

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
14	G1N4.5	Epinephrin	G1N4	1mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	700
15	G1N4.1	Aciclovir	G1N4	200mg	Uống	viên	Viên	3.000
16	G1N4.13	Methyl prednisolon	G1N4	125mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	300
17	G1N1.3	Brinzolamid + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	G1N1	10mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	1.300
18	G1N5.7	Naloxon hydroclorid (dưới dạng Naloxon hydroclorid dihydrat)	G1N5	0,4mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	5
19	G1N5.8	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	G1N5	1mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	5
20	G1N4.6	Fluorouracil (5-FU)	G1N4	250mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	40
21	G1N1.21	Brimonidin tartrat	G1N1	2mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	150
22	G1N3.1	Cefpodoxim	G1N3	100mg	Uống	Bột/cốm/ hạt pha uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	1.000
23	G1N2.4	Cefalexin	G1N2	500mg	Uống	viên	Viên	7.000

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
24	G1N1.10	Levofloxacin	G1N1	15mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	2.400
25	G1N5.1	Cyclopentolate 1%	G1N5	1%	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	10
26	G1N4.4	Dexamethason	G1N4	3,33mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	3.400
27	G1N5.2	Diazepam	G1N5	10mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	5
28	G1N1.19	Travoprost + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	G1N1	0,04mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	520
29	G1N5.3	Ephedrin	G1N5	30mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	5
30	G1N5.11	Tetrahydrozolin hydrochloride, Neostigmin methylsulfate, Chlorpheniramine Maleate, Retinol, Pyridoxin hydroclorid, D-alpha-Tocopherol acetate, Potassium L-Aspartate	G1N5	1,5mg+ 0,75mg+ 4,5mg+ 4500 IU+ 6mg+7,5mg+ 150 mg	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	12

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
31	G1N1.6	Fluorometholon	G1N1	1mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	320
32	G1N4.7	Furosemid	G1N4	20mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	60
33	G1N1.1	Aluminum phosphat	G1N1	12,38g gel (Aluminium phosphat 20%)	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	200
34	G1N4.8	Gentamicin	G1N4	80mg	2ml	Thuốc tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	2.100
35	G1N2.1	Acetaminophen	G1N2	500mg	Uống	viên	Viên	4.700
36	G1N2.2	Aciclovir	G1N2	30mg/3,5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tube	110
37	G1N4.9	Huyết thanh kháng uốn ván	G1N4	1.500IU	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	120
38	G1N1.8	Indomethacin	G1N1	0,1%	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	230
39	G1N5.10	Pilocarpin	G1N5	2%	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	5
40	G1N1.9	Kali clorid	G1N1	600mg	Uống	viên	Viên	2.700
41	G1N1.4	Carbomer	G1N1	2%	10g	Thuốc tra mắt	Tube	60

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
42	G1N1.15	Ranibizumab	G1N1	2,3mg/0,2 3ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	500
43	G1N4.25	Vitamin B6 + magnesi lactat	G1N4	5mg + 470mg	Uống	viên	Viên	12.000
44	G1N1.12	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	G1N1	12.250 IU+ 21.000 IU+ 3,5mg	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tube	150
45	G1N4.14	Methyl prednisolon	G1N4	4mg	Uống	viên	Viên	6.000
46	G1N5.5	Midazolam	G1N5	5mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	10
47	G1N1.20	Tropicamide + Phenylephrine HCL	G1N1	50mg + 50mg	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	210
48	G1N4.15	Natri clorid	G1N4	0,9%/500 ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	70
49	G1N1.13	Nifedipin	G1N1	30mg	Uống	viên	Viên	300
50	G1N1.7	Glyceryl trinitrate (Nitroglycerin)	G1N1	0,08g (trong 10g khí dung)	Xịt hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	5
51	G1N4.18	Nước cất pha tiêm	G1N4	5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	1.800

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
52	G1N5.9	Pethidin	G1N5	100mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	5
53	G1N1.14	Prednisolon acetat	G1N1	1% w/v (10mg/ml)	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	840
54	G1N1.11	Natri hyaluronat	G1N1	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	850
55	G1N4.17	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	G1N4	(35.000 IU + 60.000 IU + 10mg)/10 ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	50
56	G1N1.2	Brinzolamid + Brimonidin tartrat	G1N1	10 mg/ml + 2 mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	120
57	G1N1.16	Tafluprost	G1N1	0,015mg/ ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	650
58	G1N1.17	Tafluprost	G1N1	4,5mcg/0, 3ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	1.500
59	G1N5.6	Timolol	G1N5	0,5%	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	800
60	G1N1.18	Tranexamic acid	G1N1	250 mg	Uống	viên	Viên	600
61	G1N4.2	Atropin sulfat	G1N4	5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	100

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
62	G1N4.23	Vancomycin	G1N4	500mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	100
63	G1N4.24	Vitamin A	G1N4	5000 IU	Uống	viên	Túi/ bình/ chai/ lọ/ ống	18.000
64	G1N1.5	Diclofenac	G1N1	75mg	Uống	viên	Viên	300

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về bảo quản thuốc:

- Địa điểm cung cấp: Khoa Dược - Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng
68 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Hàng hoá được bảo quản theo yêu cầu của Nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 03 ngày sau khi nhận đơn đặt hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không thực hiện tạm ứng hợp đồng.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá được niêm phong trong bì kín bao gồm:

- Bảng báo giá (theo Phụ lục đính kèm);

- Hồ sơ sản phẩm (Giấy phép lưu hành/hoặc giấy phép nhập khẩu,...)

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất thuốc hoặc bán buôn thuốc.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Tổ CNTT (để đăng Website);

- <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn/>;

- <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>;

- Lưu: VT, KD, TC-KT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
MẮT
THÀNH PHỐ
ĐÀ NẴNG
Nguyễn Văn Khôi

Phụ lục Biểu mẫu bảng báo giá

(Đính kèm Thông báo số /TB-BVM ngày / /2024 của Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng)

THÔNG TIN CÔNG TY

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng

Theo Thông báo chào giá số /TB-BVM ngày / /2024 của Bệnh viện Mắt thành phố Đà Nẵng, Công ty..... trân trọng gửi Quý bệnh viện báo giá thuốc do Công ty phân phối, cụ thể như sau:

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ Tên thành phần	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Quy cách đóng gói	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ) (tháng)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1														
2														
....														

Giá báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

Báo giá có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày / /

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TRƯỚC PHÁP LUẬT

(Đại diện công ty ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu công ty)



STT	Mã thuốc	Tên Hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	G1N1.1	Aluminum phosphat	G1 Nhóm 1	12,38g gel (Aluminium phosphat 20%)	Uống	Hỗn dịch uống	Gói	200	
2	G1N1.2	Brinzolamid + Brimonidin tartrat	G1 Nhóm 1	10 mg/ml + 2 mg/ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	120	
3	G1N1.3	Brinzolamid + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	G1 Nhóm 1	10mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	1.300	
4	G1N1.4	Carbomer	G1 Nhóm 1	2%/10g	Nhỏ mắt	Gel nhỏ mắt	Tube	60	
5	G1N1.5	Diclofenac	G1 Nhóm 1	75mg	uống	viên nén	viên	300	
6	G1N1.6	Fluorometholon	G1 Nhóm 1	1mg/ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	320	
7	G1N1.7	Glyceryl trinitrate	G1 Nhóm 1	0,08g (trong 10g khí dung)	Phun mù	Khí dung	Lọ	5	
8	G1N1.8	Indomethacin	G1 Nhóm 1	0,1%/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	230	
9	G1N1.9	Kali clorid	G1 Nhóm 1	600mg	Uống	Viên bao phim giải phóng chậm	Viên	2.700	
10	G1N1.10	Levofloxacin	G1 Nhóm 1	15mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	2.400	
11	G1N1.11	Natri hyaluronat	G1 Nhóm 1	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	850	

STT	Mã thuốc	Tên Hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
12	G1N1.12	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	G1 Nhóm 1	(1mg/gram + 3500IU/gram; 6000IU/gram) x	Tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Tuýp	150	
13	G1N1.13	Nifedipin	G1 Nhóm 1	30mg	Uống	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Viên	300	
14	G1N1.14	Prednisolon acetat	G1 Nhóm 1	1% w/v (10mg/ml)	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Chai	840	
15	G1N1.15	Ranibizumab	G1 Nhóm 1	2,3mg/0,23ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	500	
16	G1N1.16	Tafluprost	G1 Nhóm 1	0,015mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	650	
17	G1N1.17	Tafluprost	G1 Nhóm 1	4,5mcg/0,3ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	1.500	
18	G1N1.18	Tranexamic acid	G1 Nhóm 1	250 mg	uống	viên nén	viên	600	
19	G1N1.19	Travoprost + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	G1 Nhóm 1	0,04mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	520	
20	G1N1.20	Tropicamide + Phenylephrine HCL	G1 Nhóm 1	50mg + 50mg	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	210	
21	G1N1.21	Brimonidin tartrat	G1 Nhóm 1	2mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	150	
22	G1N1.22	Timolol	G1 Nhóm 1	0,5%/5ml	Thuốc nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	lọ	100	

STT	Mã thuốc	Tên Hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
23	G1N2.1	Acetaminophen	G1 Nhóm 2	500mg	Uống	viên nén	viên	4.700	
24	G1N2.2	Aciclovir	G1 Nhóm 2	30mg/3,5g	Tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Tuýp	110	
25	G1N2.3	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate)	G1 Nhóm 2	5mg Amlodipine	Uống	Viên nén bao phim	Viên	900	
26	G1N2.4	Cefalexin	G1 Nhóm 2	500mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	7.000	
27	G1N2.5	Enalapril	G1 Nhóm 2	5mg	Uống	Viên nén	Viên	500	
28	G1N4.1	Aciclovir	G1 Nhóm 4	200mg	Uống	Viên nén	Viên	3.000	
29	G1N4.2	Atropin sulfat	G1 Nhóm 4	5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Ống	100	
30	G1N4.3	Atropin sulfat	G1 Nhóm 4	10mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Ống	300	
31	G1N4.4	Dexamethason	G1 Nhóm 4	3,33mg	Tiêm tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	ống	3.400	
32	G1N4.5	Epinephrin (adrenalin)	G1 Nhóm 4	1mg/ 1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	700	
33	G1N4.6	Fluorouracil (5-FU)	G1 Nhóm 4	250mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	40	
34	G1N4.7	Furosemid	G1 Nhóm 4	20mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	60	

STT	Mã thuốc	Tên Hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
35	G1N4.8	Gentamicin	G1 Nhóm 4	80mg	Tiêm truyền tĩnh mạch - Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Ống	2.100	
36	G1N4.9	Huyết thanh kháng uốn ván	G1 Nhóm 4	1.500IU	Tiêm	Dung dịch tiêm	Lọ	120	
37	G1N4.10	Levobupivacain (dưới dạng Levobupivacain Hydroclorid)	G1 Nhóm 4	50mg/10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	1.500	
38	G1N4.11	Lidocain 2% -10ml	G1 Nhóm 4	2% -10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	2.500	
39	G1N4.12	Manitol	G1 Nhóm 4	20%/250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	chai	90	
40	G1N4.13	Methyl prednisolon	G1 Nhóm 4	125mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	lọ	300	
41	G1N4.14	Methyl prednisolon	G1 Nhóm 4	4mg	Uống	Viên nén	Viên	6.000	
42	G1N4.15	Natri clorid	G1 Nhóm 4	0,9%/500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	chai	70	
43	G1N4.16	Natri clorid	G1 Nhóm 4	0,9%/250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	chai	180	
44	G1N4.17	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	G1 Nhóm 4	(35.000IU + 60.000IU + 10mg)/10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	50	
45	G1N4.18	Nước cất pha tiêm	G1 Nhóm 4	5ml	Tiêm	Dung môi pha tiêm	Ống	1.800	
46	G1N4.19	Ondansetron	G1 Nhóm 4	8mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	60	

STT	Mã thuốc	Tên Hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
47	G1N4.20	Paracetamol (acetaminophen)	G1 Nhóm 4	250mg	Uống	Thuốc bột	Gói	200	
48	G1N4.21	Ringer lactat	G1 Nhóm 4	500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	3.800	
49	G1N4.22	Tobramycin	G1 Nhóm 4	80mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	600	
50	G1N4.23	Vancomycin	G1 Nhóm 4	500mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	100	
51	G1N4.24	Vitamin A	G1 Nhóm 4	5000 IU	Uống	Viên nang cứng	Viên	18.000	
52	G1N4.25	Vitamin B6 + magnesi lactat	G1 Nhóm 4	5mg + 470mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	12.000	
53	G1N5.1	Cyclopentolate 1%	G1 Nhóm 5	1%			lọ	10	
54	G1N5.2	Diazepam	G1 Nhóm 5	10mg			ống	5	
55	G1N5.3	Ephedrin	G1 Nhóm 5	30mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Ống	5	
56	G1N5.4	Fentanyl	G1 Nhóm 5	0,1mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	50	
57	G1N5.5	Midazolam	G1 Nhóm 5	5mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	10	
58	G1N5.6	Timolol	G1 Nhóm 5	5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	800	

STT	Mã thuốc	Tên Hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
59	G1N5.7	Naloxon hydroclorid (dưới dạng Naloxon hydroclorid dihydrat)	G1 Nhóm 5	0,4mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	5	
60	G1N5.8	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	G1 Nhóm 5	1mg/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	5	
61	G1N5.9	Pethidin	G1 Nhóm 5	100mg	Tiêm	Dung dịch tiêm	ống	5	
62	G1N5.10	Pilocarpin	G1 Nhóm 5	2%/15ml	Thuốc nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	5	
63	G1N5.11	Tetrahydrozolin hydrochloride, Neostigmin methylsulfate, Chlorpheniramine	G1 Nhóm 5		Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	lọ	12	
64	G1N3.1	Cefpodoxim	G1Nhóm 3	100mg	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Gói	1.000	